

Số: **505** /CBTT-TMD

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 4 năm 2015

V/v Công bố Báo cáo thường niên năm 2015

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội
Trung tâm lưu ký chứng khoán**

1. Tên công ty: **Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin.**
2. Mã chứng khoán: **MDC**
3. Trụ sở chính: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.
4. Điện thoại: 033.3868.271; 033.3868.272; Fax: 033.3868.276.
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Trịnh Thị Nguyệt Hằng.**
6. Nội dung công bố thông tin:
 - Báo cáo thường niên năm 2015 của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin.
7. Địa chỉ Website đăng tải Báo cáo thường niên năm 2015 của Công ty cổ phần than Mông Dương Vinacomin: **Mongduongcoal.com**

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, VP HĐQT.

**UO GIÁM ĐỐC
NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**



Trịnh Thị Nguyệt Hằng

Phụ lục số 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **504** /BC-TMD

Quảng Ninh, ngày **05** tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN
NĂM 2015

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin;**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008, Đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 12 tháng 11 năm 2013.
- Vốn điều lệ: 150.839.520.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ, tám trăm ba chín triệu, năm trăm hai mươi ngàn đồng chẵn*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 150.839.520.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ, tám trăm ba chín triệu, năm trăm hai mươi ngàn đồng chẵn*).
- Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: (0 33) 3868 271/ 3868 272.
- Fax: (0 33) 3868 276.
- Website: mongduongcoal.com
- Mã cổ phiếu: **MDC.**

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) Quá trình hình thành

Ngày 01 tháng 04 năm 1982 mỏ than Mông dương- Khe Chàm được thành lập trực thuộc Liên hiệp than Hòn Gai- Bộ Mỏ và Than;

Tháng 4 năm 1987 tách thành 2 mỏ: Mỏ than Mông Dương và Mỏ than Khe Chàm trực thuộc Công ty than Cẩm Phả- Bộ Năng Lượng;

Ngày 29 tháng 12 năm 1997 Mỏ than Mông Dương được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ của Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam- Vinacomin) theo Quyết định số 24-1997/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp;



38

Ngày 01 tháng 10 năm 2001 Hội đồng Quản trị Tổng công ty than Việt nam ban hành Quyết định số 405/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Mỏ than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- Doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt nam.

Ngày 08 tháng 11 năm 2006 Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2456/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Công ty Than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- TKV.

b) Chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần

Ngày 18 tháng 12 năm 2006 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3673/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Công ty Than Mông Dương- TKV.

Công ty Than Mông Dương- TKV đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà Nước và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ 02 tháng 01 năm 2008 với tên giao dịch là: Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV. Công ty có vốn điều lệ là: 120.850.000.000 đồng (một trăm hai mươi tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng Việt Nam); trong đó vốn Nhà nước nắm giữ là: 54,03%;

Dưới sự hướng dẫn của Tập Đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam tại Công văn số 4648/TKV-HĐTV ngày 19/8/2010 và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Công ty đã làm thủ tục đổi tên Công ty từ Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV sang Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin và tăng vốn điều lệ từ 120.850.000.000 đồng lên 150.839.520.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thưởng. Đăng ký vốn Điều lệ và đổi tên Công ty từ ngày 20 tháng 7 năm 2011.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Khai thác và thu gom than cứng (ngành nghề chính).

- Địa bàn hoạt động chính: Công ty khai thác, chế biến, tiêu thụ than trên địa bàn thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty, bao gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông;

+ Hội đồng Quản trị: 05 thành viên;

+ Ban Kiểm soát: 03 thành viên;

+ Các tổ chức đoàn thể (Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên);

+ Ban Giám đốc có: 01 Giám đốc điều hành, 05 Phó Giám đốc;

+ Kế toán trưởng: 01 thành viên;

+ Các phòng ban, công trường phân xưởng gồm: 15 phòng ban; 04 đội trực thuộc phòng và 01 trạm y tế, 27 phân xưởng đơn vị sản xuất tổ chức theo mô hình sau:

(Có sơ đồ tổ chức bộ máy điều hành của Công ty kèm theo- Phụ lục 01).

- Các công ty con, công ty liên kết: Không

5. Định hướng phát triển của Công ty

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Trong năm 2015, Công ty điều chỉnh lại chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty ở từng thời điểm. Xây dựng Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin trở thành một Công ty khai thác mỏ hầm lò hàng đầu của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam với công nghệ cơ giới hoá từ việc đi lại trong lò đến khâu khai thác.

+ Nghiên cứu lựa chọn công nghệ khai thác hợp lý đối với vỉa dốc đứng tận thu tối đa tài nguyên bằng công nghệ sử dụng dàn mềm ZRY thay thế công nghệ khai thác Buồng lò thượng chéo, đào lò lấy than.. (có nguy cơ mất an toàn cao).

+ Duy trì diện sản xuất ổn định cho máy com bai đào lò (AM-50Z) đối với gương lò than tiết diện lớn nhằm tăng sản lượng, tiến độ, cùng với việc sử dụng băng tải đưa vào hoạt động phục vụ thi công đào lò và khai thác lò chợ nhằm giảm nhân lực dây truyền và tăng năng suất lao động.

+ Đẩy nhanh tiến độ dự án xuống sâu khai thác dưới mức -250; nhằm duy trì ổn định sản xuất cho các năm tiếp theo khi kết thúc khai thác mức -250;

6. Những khó khăn vướng mắc và các rủi ro:

- Đối với Công ty điều kiện làm việc trung ở độ sâu dưới mức -100 so với mực nước biển, nằm dưới các khu vực đã khai thác cũ, khu vực đổ thải, khu vực đã khai thác lộ vỉa, các khu vực này đều có nguy cơ tàng trữ nước rồi thấm thấu trực tiếp xuống các đường lò dưới mức -100 gây nguy cơ bực nước, khí trong quá trình khai thác và đào lò.

- Bên cạnh đó công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn nhiều bất cập về thủ tục, hướng dẫn pháp luật... dẫn đến làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của công nhân.

- Thời gian công nhân để gắn bó làm việc với nghề khai thác mỏ là rất ngắn do đó việc đào tạo và bố trí nhân lực cho đủ dây truyền sản xuất chưa đạt được.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2015, với các diện khai thác thác hầm lò 100% ở dưới mức -100 ÷ -250 đến hết tháng 6 năm 2015 thực hiện các chỉ tiêu về sản xuất của Công ty cổ

phần than Mông Dương- Vinacomin cơ bản đảm bảo theo yêu cầu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

- Đến tháng cuối tháng 7/2015, do ảnh hưởng đợt mưa lịch sử trên 40 năm đã gây thiệt hại nặng nề tại một số đại bàn trên tỉnh Quảng Ninh, trong đó mỏ than Mông Dương là một trong những đơn vị chịu tổn thất nặng nề nhất: Toàn bộ đường lò và thiết bị phục vụ sản xuất ngập chìm trong nước, đồng thời đất đá sạt lở đã vùi lấp từ 1,2-:- 1,6 mét mặt bằng công nghiệp mỏ và nơi ở của một số hộ dân khu 3, khu 4 thuộc phường Mông Dương. Công ty phải dừng toàn bộ hoạt động sản xuất hơn hai tháng để triển khai các công việc khắc phục sự cố, khôi phục sản xuất làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sản xuất của năm và Công ty phải điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất như sau:

+ Than sản xuất:	1.300.000/1.700.000	= 76,5% KHĐN
Trong đó: Than hầm lò	1.000.000/1.400.000	= 71,42% KHĐN
Than lộ thiên	300.000/300.00	= 100% KHĐN
+ Mét lò đào	12.500/19.620	= 63,7% KHĐN
+ Tiêu thụ than	1.260.000/1.661.000	= 78,85% KHĐN
+ Doanh thu than	1.282.947/1.787.387	= 71,77% KHĐN

- Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua	Kế hoạch Điều chỉnh thông qua	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ TH/KH năm	
						Kế hoạch Điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4=3/2)	(5=3/1)
1	Sản lượng						
1.1	Than sản xuất	10 ³ Tấn	1.700	1.300	1.315	101,2	77,4
	+ Hầm lò		1.400	1.000	1.075	107,5	76,8
	+ Lộ thiên		300	300	241	80,3	80,3
1.2	Đất đá bốc xúc	10 ³ M3	3.874	3.874	2.545	78,3	65,7
1.3	Mét lò đào	m	20.124	12.500	14.300	114,4	71,1
1.4	Than tiêu thụ	10 ³ tấn	1.661	1.261	1.278	101,3	76,9
2	Tổng doanh thu	Tr.đg	1.812.387	1.307.947	1.416.474	108,3	78,2
	Trg đó: DT than	Tr.đg	1.787.387	1.282.947	1.399.315	109,1	78,3
3	Giá trị đầu tư	Tr.đg	151.773	182.515	137.533	75,3	90,6
	- Xây lắp	Tr.đg	52.520	38.249	16.381	42,8	31,2
	- Thiết bị	Tr.đg	64.457	138.504	115.698	83,5	179,5
	- Chi phí khác	Tr.đg	8.796	5.582	5.454	97,7	62,0
4	Lợi nhuận	Tr.đg	29.536	22.480	440	1,95	1,49
5	Cổ tức	%	Thấp nhất 8%		0%		

* Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015:

Công ty gặp nhiều khó khăn nhất là trong đợt sự cố mưa lũ lịch sử gây ngập mủ ngày 27/7/2015, nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, tạo điều kiện của lãnh đạo Tập đoàn, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước các cơ quan chính quyền Tỉnh, Thành phố, Địa phương và sự kết hợp của các đối tác; Phát huy tốt tinh thần đoàn kết và những cải tiến sáng tạo trong sản xuất và điều hành khắc phục sự cố, Công ty đã hoàn thành công tác khắc phục sự cố sớm hơn so với kế hoạch; Hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật điều chỉnh năm 2015, doanh thu vượt kế hoạch điều chỉnh, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho hơn cán bộ công nhân viên có thu nhập bình ổn định. Riêng chỉ tiêu chi trả cổ tức cho các cổ đông của doanh nghiệp do ảnh hưởng của sự cố ngập mủ chỉ tiêu lợi nhuận không đạt so với kế hoạch nên không có nguồn chi trả cổ tức năm 2015.

2. Tổ chức và nhân sự

a) *Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ % MDC		Ghi chú
			Đại diện	Các nhân	
1	Nguyễn Trọng Tốt	Giám đốc		0,013	
2	Tạ Văn Bên	P.Giám đốc		0,041	
3	Vũ Tiên Quang	P.Giám đốc		0,005	
4	Bùi Văn Kiểm	P.Giám đốc		0,016	
5	Hoà Quang Trung	P.Giám đốc		0,016	
6	Hoàng Trọng Hiệp	P.Giám đốc		0,004	
7	Phạm Thị Hải	KT trưởng		0,015	

b) *Những thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành:* Trong năm 2015, Công ty có sự thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành cụ thể như sau: (1) Ngày 10/3/2015 Bổ nhiệm ông Bùi Quốc Tuấn, người đại diện của TKV tham gia HĐQT làm Giám đốc Công ty thay thế vị trí ông Khuất Mạnh Thắng do chuyển công tác; (2) Ngày 31/7/2016 Bổ nhiệm ông Nguyễn Trọng Tốt, người đại diện của TKV tham gia HĐQT làm Giám đốc Công ty thay vị trí ông Bùi Quốc Tuấn chuyển công tác. Tóm tắt lý lịch của Ban lãnh đạo điều hành đã được nêu tại các kỳ trước, bổ sung lý lịch ông Nguyễn Trọng Tốt:

- Họ và tên: NGUYỄN TRỌNG TỐT
- Giới tính: Nam;
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 12 tháng 6 năm 1965;
- Nơi sinh: Thái Sơn, Thái Thụy, Thái Bình;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;
- Số CMND: 100968778; Cấp ngày 09/03/2012 tại CA Quảng Ninh;

- Địa chỉ thường trú: Tổ 1, Khu 1A, P.Cao Thắng, TP Hạ Long, Quảng Ninh;
- Điện thoại liên lạc: Di động: 0904 111 204;
- Trình độ văn hóa: 10/10;
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ;
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 11/1988 đến tháng 08/1989 : Công nhân thợ lò - Mỏ than Mông Dương ;
 - + Từ tháng 09/1989 đến tháng 05/1996 : Nhân viên phòng Kỹ thuật- Mỏ than Mông Dương;
 - + Từ tháng 06/1996 đến 09/2001 : Phó TP Kỹ thuật công nghệ khai thác- Mỏ than Mông Dương ;
 - + Từ tháng 10/2001 đến tháng 01/2003 : Phó TP Kỹ thuật công nghệ khai thác – Công ty than Mông Dương;
 - + Từ tháng 02/2003 đến tháng 03/2004 : Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ khai thác- Công ty than Mông Dương;
 - + Từ tháng 04/2004 đến tháng 12/2007: Phó Giám đốc - Công ty than Mông Dương ;
 - + Từ tháng 01/2008 đến tháng 9/2013 : Phó Giám đốc - Công ty cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin ;
 - + Từ tháng 10/2013 đến tháng 7/2015 : Trưởng Ban Kỹ thuật- Công nghệ mỏ Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam ;
 - + Từ ngày 31/7/2015 : Ủy viên Hội đồng quản trị- Giám đốc điều hành Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị- Giám đốc điều hành Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin.
- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1997 cổ phần
 - Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 1997 cổ phần
 - + Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
- Sở hữu của những người có liên quan:

Họ tên	Địa chỉ	Số CMT	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP nắm giữ
Vợ : Bùi Thị Hoa (Bùi Thị Quyên)	Tổ 1, Khu IA, P Cao Thắng, TP Hạ long, tỉnh Quảng Ninh	100968777	13/8/2005	Quảng Ninh	8944

- Các khoản nợ và các khoản lợi ích khác đối với Công ty: Không.

c) **Số lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty:** Số cán bộ công nhân viên của Công ty bình quân năm 2015: 4.175 người.

d) Chính sách đối với người lao động

- Công ty tổ chức thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách đối với người lao động. Tổ chức khám bệnh cho cán bộ công nhân viên 01 lần/ năm và đối với lao động nữ và làm việc nặng nhọc độc hại 02 lần/ năm; Duy trì tắm nóng, xông hơi, ăn tự chọn, chế độ tiền lương được cải thiện, bình quân đạt 10.136.000 đồng/người/ tháng. Ngoài việc bố trí nghỉ vào dịp lễ, tết Công ty còn tổ chức công nhân viên chức đi thăm quan, nghỉ mát và điều dưỡng...

- Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ chuyên môn.

- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Đồng thời Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh Công ty. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Tình hình thực hiện các dự án đầu tư

Cùng với sản xuất kinh doanh năm 2015 Công ty thực hiện chuyển tiếp 03 dự án đầu tư: Dự án đầu tư XDCT khai thác giai đoạn II; Dự án xây dựng khu nhà ở công nhân; Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2014 thực hiện đầu tư mới 02 dự án: Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2015, Dự án đầu tư thiết bị khắc phục sự cố nước ngập mở năm 2015. Kết quả thực hiện các dự án như sau:

(1) Dự án Đầu tư XDCT khai thác giai đoạn II: Thực hiện một số gói thầu thiết bị còn lại và làm các thủ tục để điều chỉnh dự án.

(2) Dự án Xây dựng nhà ở công nhân: Trong năm 2015 thi công xong toàn bộ phần thô của công trình từ tầng 1 đến tầng 9 và lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy cho lô nhà C2.

(3) Dự án Đầu tư thiết bị DTSX năm 2014: gói thầu bình tự cứu các ly độc lập do Tập đoàn TKV mua sắm tập trung, được chuyển tiếp thực hiện sang năm 2016.

(4) Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2015: Thực hiện xong 07/11 gói thầu, còn lại 4 gói chuyển tiếp sang năm 2016 gồm: Cân điện tử ô tô 80 tấn + 02 cân băng tải; Thiết bị an toàn; và hai gói tư vấn khác.

(5) Dự án đầu tư thiết bị khắc phục sự cố ngập nước mở năm 2015: Thực hiện 9/14 gói thầu, còn lại 5 gói thầu chuyển tiếp sang năm 2016 gồm: Tời điện; Quạt gió & Máy giặt; Tủ nạp & tổ hợp ắc quy; và hai gói tư vấn khác.

Tổng giá trị đầu tư thực hiện là: 137.533 tr.đồng/KH: 182.515 tr.đồng, đạt 75,3%.

Trong đó: + Xây lắp 16.381 tr.đồng/ KH: 38.249 tr.đồng; đạt 42,8%. *36*

+ Thiết bị: 115.698 tr.đồng/KH: 138.504 tr.đồng; đạt 83,5%.

+ Chi phí quản lý, tư vấn và khác: 5.545 tr.đồng/KH: 5.582 tr.đồng; đạt 97,7%.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính năm 2015

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng giảm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3=2/1)
1	Tổng tài sản	942.014.598.026	1.186.828.595.374	125,9
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.638.566.597.761	1.566.350.616.674	95,6
4	Giá vốn hàng bán	1.392.842.607.604	1.363.511.111.566	97,9
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	245.723.990.157	202.839.505.108	82,5
6	Doanh thu hoạt động tài chính	200.208.173	172.719.210	86,3
7	Chi phí tài chính	51.354.026.774	46.873.079.762	91,3
8	Chi phí bán hàng	23.016.083.212	16.664.973.652	72,4
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	124.349.814.490	139.408.169.547	112,1
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	47.204.273.854	66.001.357	0,14
11	Thu nhập khác	9.468.760.694	2.824.850.478	29,8
12	Chi phí khác	5.395.275.311	2.450.577.651	45,4
13	Lợi nhuận khác	4.073.485.383	374.272.827	9,18
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.277.759.237	440.274.184	0,86
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.208.944.392	354.749.704	3,16
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	40.068.814.845	85.524.480	0,21
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.656	6	0,23

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,41	0,55	
<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>			

3/8

- Hệ số thanh toán nhanh	0,33	0,5	
<i>(TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,77	0,81	
- Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu	3,28	4,31	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	40,57	39,43	
<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>			
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,74	1,32	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ DT Thuần	2,45	0,01	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	18,18	0,04	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	4,25	0,01	
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ DT Thuần	2,88	0,004	

c) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1	Thuế	244.250.142.191	250.075.867.839
-	Thuế giá trị gia tăng	111.564.099.914	141.049.523.976
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.405.398.520	6.000.000.000
-	Thuế thu nhập cá nhân	500.000.000	3.756.117.551
-	Thuế tài nguyên	114.700.243.338	97.531.787.910
-	Thuế đất và tiền thuê đất	6.047.376.419	1.712.110.402
-	Các loại thuế khác	33.024.000	26.382.000
2	Các loại phí và lệ phí	54.374.466.000	123.553.981.018
-	Phí bảo vệ môi trường	15.248.153.760	12.234.710.000
	Tổng cộng	191.465.772.760	373.629.848.857

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phổ thông: 15.083.952 cổ phần;
- Mệnh giá: 10.000 đồng;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông: (Tính đến ngày đăng ký cuối cùng 15/3/2016)

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
A	Cơ cấu cổ đông	15.083.952	100%	22	2.057
1	Cổ đông nắm giữ >50% cổ phần có quyền biểu quyết	8.149.193	54,03%	1	
2	Cổ đông nắm giữ >5 đến dưới 20% cổ phần có quyền biểu quyết	2.562.865	16,99%	1	
3	Cổ đông nắm giữ > 1 đến dưới 5 % cổ phần có quyền biểu quyết	336.042	2,23%		1
4	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	4.035.852	26,76%	20	2.057
	<i>Trong đó cổ đông là CBCNV trong Công Ty</i>	<i>1.190.408</i>	<i>7,89%</i>		<i>1.060</i>
5	Cổ phiếu quỹ	0	0%		
B	Trong đó:				
1	Vốn Nhà nước	8.149.193	54,03%	1	
2	Vốn nước ngoài	2.674.473	17,11%	2	10

*** Thông tin về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty**

1) Cổ đông là tổ chức Nhà Nước: Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 8.149.193 cổ phần, chiếm 54,03% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2) Cổ đông là tổ chức nước ngoài: Raw & Refined Commodities ag – Thụy Điển: nắm giữ 2.562.865 cổ phần, chiếm 16,99 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: (Trong năm 2015 không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu)

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Hiện tại Công ty không sở hữu cổ phiếu quỹ, trong năm 2015 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: (Không có)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Khai thác và thu gom than cứng theo công nghệ khai thác lò đứng. Nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là thiết bị đào lò và giàn chống, giá chống thủy lực phục vụ cho khai thác than.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và giám tiếp

Loại nhiên liệu	Khối lượng		Qui đổi TOE		Giá nhiên liệu		Sử dụng cho mục đích
Than cốc	150	tấn	113	tấn	2.500.000	đ/tấn	Nhiên liệu gia công rèn
Than đá	1005	tấn	503	tấn	1.150.000	đ/tấn	Nhiên liệu nồi hơi
Dầu DO	2.401.766	lít	2.042	tấn	13.481	đ/lít	Nhiên liệu máy phát
Xăng	80.277	lít	59	tấn	15.500	đ/lít	Dùng cho vận tải
Gas	26.412	tấn	33	tấn	30.500	đ/lít	Dùng nấu ăn, cơ khí, y tế.
Điện năng mua ngoài	24.659.909	kwh	3.805	tấn	Giá TB 1.164	đ/kwh	Khai thác than, Bơm thoát nước, chiếu sáng, VP
Điện năng tự sản xuất	1.776.214	kwh	274	tấn			Khai thác, bơm thoát nước.
Tổng số TOE			6.829	tấn			

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

(1) Chuyển đổi cung cấp điện 6kV cấp điện trạm +40BMD từ trung tâm sang. Khi mất điện lộ 673 E5.1; Hiệu quả đạt được: Đảm bảo an toàn cung cấp điện cho sản xuất và các phụ tải tiêu thụ điện khu vực -150 và mặt bằng khu Đông Bắc Mông Dương, ổn định cung cấp khí mỏ; Giá trị làm lợi: 363 triệu đồng.

(2) Sử dụng biến áp tủ nạp TIIE lấy nguồn 380V cấp palang điện trạm nạp ắc quy -250TT; Hiệu quả đạt được: Không tổn hao điện áp do biến áp lực vận hành không tải, tiết kiệm 01 máy biến áp S=180KVA cho vị trí sản xuất khác; Giá trị làm lợi: 800 triệu đồng.

(3) Lắp đặt 02 hệ thống bơm công suất lớn, sử dụng điện áp 6kV trên cùng 1 tuyến trục; Hiệu quả đạt được: Đẩy nhanh thời gian khắc phục sự cố, tăng gấp đôi lưu lượng bơm thoát nước.; Giá trị làm lợi: Giảm ½ thời gian bơm thoát nước.

(4) Thiết kế băng tải khung BTK/650/140/22 thay thế máy cào; Hiệu quả đạt được: Giảm số lượng đầu thiết bị, điện năng tiêu thụ, tăng năng suất vận chuyển.

6.3. Tiêu thụ nước xử lý nước thải

a) Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin tiêu thụ nước sạch từ nguồn nước của Công ty nước sạch Cẩm Phả. Trong năm 2015 tiêu thụ với khối lượng: 21.829 m³ nước, chi phí sử dụng là 266.315.040 đồng.

b) Tổng lượng nước thải đã xử lý qua Công ty TNHH MTV Môi trường TKV là 3.171.725 m³; Chi phí xử lý nước thải trong năm 2015: 7,016 tỷ đồng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động trung bình trong năm của Công ty: 4.175 người. Mức lương bình quân năm 2015: 10.136.000 đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty đã tập trung xem xét, đầu tư cơ giới hóa tối đa hệ thống vận chuyển vật liệu cho hầm lò. Đặc biệt là vận chuyển gầu gương cho các đơn vị đào lò; Duy trì hệ thống vận chuyển người trên các tuyến lò nghiêng, các tuyến lò bằng từ 1.000 mét; Ngoài ra duy trì và đầu tư đổi mới thiết bị khoan, xúc đất đá cho các gương lò đào, các thiết bị công nghệ mới trong hệ thống vận chuyển.... để giảm sức lao động cho công nhân hầm lò.

- Tập trung soát xét và tổ chức sử dụng triệt để tối đa các loại vật tư vật liệu và khai thác tối đa tài nguyên than để giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận và có cổ tức cho Cổ đông. Tuy nhiên, năm 2015 do ảnh hưởng đợt mưa lịch sử trên 40 năm cuối tháng 7 đã gây thiệt hại nặng nề tại một số địa bàn trên tỉnh Quảng Ninh (Trong đó có Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin) nên năm 2015 Công ty không duy trì được lợi nhuận.

- Công tác chăm sóc sức khỏe người lao động: Duy trì phục vụ ăn uống đảm bảo số lượng, chất lượng dinh dưỡng cho công nhân, thường xuyên cải tiến khâu phục vụ ăn uống, đặc biệt ca 3; Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe định kỳ theo quy định. Năm 2015 đã khám bệnh nghề nghiệp cho 7.456 lượt người (Trong đó: Người làm việc trong hầm lò, làm việc nặng nhọc độc hại, nguy hiểm và lao động nữ khám 02 lần); Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho 32 người.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Phối hợp với Trung tâm kiểm định công nghiệp I - Bộ Công thương mở các lớp huấn luyện cấp thẻ an toàn điện cho công nhân sửa chữa, vận hành các thiết bị điện theo Thông tư 31/2014/TT-BCT ngày 01/10/2014 của Bộ Công Thương, kết hợp với huấn luyện cấp chức chỉ theo Thông tư 27/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTB-XH.

- Phối hợp với các trường thực hiện các biện pháp về quản lý giáo dục học sinh, tổ chức kiểm tra đánh giá kỹ năng nghề cho học sinh sau thực tập tại Công

ty. Tổ chức tiếp nhận và bố trí cho 100% số học sinh đào tạo theo chỉ tiêu của Công ty sau khi tốt nghiệp tiếp nhận về công tác tại Công ty. Tổ chức hướng dẫn An toàn các bước và giáo dục định hướng theo chương trình khung được duyệt. Tổ chức kiểm tra sát hạch kết quả sau thử việc, tập việc theo đúng các quy chế quản lý và đúng luật lao động.

- Chủ động phối hợp với các công trường phân xưởng, các phòng mở các lớp đào tạo kiêm nghề cho Công nhân: Vận hành các Trạm, máy, các thiết bị có tính đặc thù, có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn...

Biểu tổng hợp chi tiết kết quả thực hiện công tác đào tạo năm 2015.

TT	Nội dung	Số lớp/Đợt	Số người	Ghi chú
1	Tuyển lao động đi đào tạo nghề		162/200	đạt 81%
2	Tập huấn, huấn luyện.	6	679	
3	Đào tạo kiêm nghề, thêm nghề	3	105	
4	Đào tạo chuyên giao công nghệ	8	368	
5	Tuyển lao động có trình độ	2	3	
6	Huấn luyện AT, giáo dục định hướng cho lao động mới	5	185	
7	Bố trí thực tập cho học sinh	9	126	

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong đợt mưa lũ lịch sử của năm 2015, Công ty đã tập trung cùng với Chính quyền địa phương giải quyết, bố trí chỗ ăn nghỉ tạm cho 94 hộ dân bị mưa lũ khu vực 9,8. Cùng với Tập đoàn hỗ trợ cho 267 hộ gia đình bị ngập lụt, với tổng giá trị 3.026 triệu đồng. Hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Phụng dưỡng 01 bà Mẹ Việt Nam anh Hùng, 01 Thương binh nặng..., với tổng trị giá trên 150 triệu đồng. Chi tặng quà, cho các trường trên địa bàn, các tổ chức chính trị xã hội, các gia đình khó khăn nhân dịp lễ, tết... với tổng trị giá trên 700 triệu đồng.

Năm 2015 vừa qua Ban Lãnh đạo điều hành Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp: Từ đầu tư áp dụng công nghệ, cải thiện điều kiện đi lại và làm việc cho công nhân hầm lò, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân trong Công ty. Đặc biệt đã rất nỗ lực trong việc cứu mỏ, khắc phục sự cố ngập mỏ sớm ổn định sản xuất và đảm bảo việc làm, thu nhập của người lao động, đồng thời có nhiều giải pháp để thu hút lao động, thợ lò yên tâm ở lại với Công ty; duy trì các hoạt động phục vụ cộng đồng, tạo tiền đề cho việc duy trì và phát triển Công ty bền vững.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2015, do ảnh hưởng nặng nề của đợt mưa lũ lịch sử cuối tháng 7 đầu tháng 8 năm 2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, trong đó có mỏ than Mông Dương là một trong những đơn vị chịu tổn thất nặng nề nhất. Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin phải ngừng toàn bộ hoạt động sản xuất hơn 2 tháng để triển khai các công việc khắc phục sự cố, khôi phục sản xuất làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu thực hiện chủ yếu của năm. Để phù hợp với tình hình hiện tại Công ty phải điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất của năm. Phân tích các chỉ tiêu thực hiện năm 2015 tại bảng tổng hợp II.1 của Công ty như sau: (1) Than nguyên khai sản xuất đạt 101,2% so KH ĐC (trong đó: than hầm lò đạt 107,5% KHĐC, than lộ thiên đạt 80,3% KH ĐC); (2) Mét lò đào vượt 114,4 % so với KHĐC, chỉ tiêu bốc xúc đất đá chỉ đạt 78,3 % so với KHĐC; (3) Than thiêu thụ Công ty thực hiện đạt 101,5 % KHĐC, Công tác tiêu thụ đảm bảo chỉ tiêu với Hợp đồng phối hợp kinh doanh với TKV; (4) Doanh thu đạt 119,9% KHĐC trong đó doanh thu bán than đạt 113,2% Kế hoạch điều chỉnh; (5) Lợi nhuận trước thuế năm 2015: 440 triệu đồng. Đảm bảo việc làm cho người lao động.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản năm 2015

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014 (đồng)	Năm 2015 (đồng)
1	Tổng tài sản (trong đó)	942.014.598.026	1.186.828.595.374
1.1	Tài sản ngắn hạn	175.486.323.805	364.072.347.630
1.2	Tài sản dài hạn	766.528.274.221	822.756.247.744
	Trong đó: TSCĐ HH	692.278.987.289	641.143.417.453
2	Doanh thu thuần	1.648.235.566.528	1.569.348.186.362
3	Lợi nhuận trước thuế	51.277.759.237	440.274.184
4	Lợi nhuận sau thuế	40.068.814.845	85.524.480

Trong năm 2015, Công ty đã đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ các dự án khai thác và dự án khắc phục sự cố ngập mỏ với tổng mức đầu tư là: 105.430 triệu đồng. Hình thành tài sản cố định trích khấu hao (tăng tài sản) là: 89.287 triệu đồng. Thiết bị đầu tư dở dang cuối kỳ là: 16.143 triệu đồng, nguyên nhân do một số thiết bị đầu tư mua sắm thực hiện vào cuối Quý IV nên công tác vận hành chạy thử, nghiệm thu đưa vào sử dụng đều sau ngày 31/12/2015.

Giá trị tài sản giảm trong năm là: 6.481 triệu đồng.

Trong đó: - Nhượng bán: 2.963 triệu đồng.

- Thanh lý: 740 triệu đồng.

- Giảm do thiệt hại mưa lũ: 2.777 triệu đồng.

- Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản: Sau sự cố mưa lũ lịch sử gây ngập mủ nhiều thiết bị tài sản đã bị hỏng phải đưa đi sửa chữa, nên công tác huy động tài sản phục vụ cho sản xuất kinh doanh và khắc phục sự cố mưa lũ gặp rất nhiều khó khăn, nhưng với lòng quyết tâm và sự sáng tạo trong công tác sửa chữa, điều động thiết bị tài sản phục vụ cho sản xuất linh hoạt và kịp thời nên toàn bộ dây chuyền thiết bị phục vụ trong các khâu sản xuất đều được đáp ứng nhanh nhất, đem lại hiệu quả, năng suất lao động đạt và vượt so với kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

- Hiệu quả sử dụng tài sản cố định năm 2015 được đánh giá qua chỉ tiêu Doanh thu thuần /Giá trị tài sản cố định đạt: 2,44 (Tỷ số này cao chứng tỏ tình hình hoạt động của doanh nghiệp tốt đã tạo ra doanh thu thuần cao hơn so với tài sản cố định, chứng tỏ việc đầu tư vào tài sản cố định của doanh nghiệp là xác đáng, cơ cấu hợp lý, hiệu suất sử dụng cao).

- Ngoài chỉ tiêu đã nêu trên thì công tác theo dõi trích khấu hao tài sản cố định phục vụ cho sản xuất để thu hồi vốn đầu tư của Công ty được thực hiện đầy đủ, đúng với quy định của pháp luật thuế và chuẩn mực kế toán doanh nghiệp.

b) Tình hình nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014 (đồng)	Năm 2015 (đồng)	% Tăng giảm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3=2/1)
A	Nợ ngắn hạn: Trong đó	432.143.373.600	663.953.037.222	153,6
1	Vay và nợ ngắn hạn	148.837.708.418	127.302.644.132	85,5
2	Phải trả người bán	79.671.837.990	121.009.788.024	151,9
B	Nợ dài hạn	289.533.645.827	299.286.683.543	103,4
1	Vay và nợ dài hạn	289.533.645.827	299.286.683.543	103,4
C	Tổng nợ phải trả (A+B)	721.677.019.427	963.239.720.765	133,5

Tổng các khoản nợ phải trả tăng so với đầu kỳ là: 241.561 triệu đồng, tương ứng tăng 33,5%. Không có nợ quá hạn, nợ xấu. Về cơ bản các khoản nợ phải trả tăng, trong đó có khoản nợ ngắn tăng 53,6 %, do Công ty phải ứng trước tiền than của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt nam để thanh toán các khoản nợ trong thời gian ngừng sản xuất để khắc phục sự cố trong đợt mưa lũ lịch sử. Nguyên nhân chủ yếu năm 2015 công tác thanh toán các khoản: Công nợ, tiền lương, gốc vay, thuế gặp nhiều khó khăn, nhưng Công ty vẫn cố gắng thu xếp ổn định ròng tiền để thực hiện nộp ngân sách Nhà nước và trả lương CBCNV đúng thời hạn quy định.

Để thực hiện tốt khâu thanh toán nợ Công ty đã tăng cường công tác kiểm tra hồ sơ, chứng từ, hợp đồng mua bán, đối chiếu công nợ hàng tháng, quý, năm. Thực hiện nghiêm túc quy định thanh toán của Tập đoàn, tích cực thu hồi công

nợ phải thu giảm nợ phải trả. Khẩn trương hoàn thành các hạng mục công trình đầu tư bàn giao đưa vào sử dụng tăng tài sản trích khấu hao để có nguồn trả nợ gốc vay dài hạn. Linh hoạt trong sử dụng dòng tiền để hạn chế vay nợ ngắn hạn, cân đối vay nợ dài hạn cho phù hợp, tiết kiệm nguồn vốn để giảm gốc vay và lãi vay ngân hàng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Ban Giám đốc chỉ đạo thường xuyên rà soát lại cơ cấu tổ chức của các đơn vị, phòng ban và định biên lao động hợp lý theo hướng tăng cường lực lượng lao động cho khai thác và đào lò, giảm lao động quản lý gián tiếp phòng ban, phục vụ phụ trợ; Từ chỗ năm 2014 Công ty có 19 phòng và 01 trạm đầu đến hết năm 2015 còn 15 phòng và 01 trạm.

Qua định biên lại đã giảm được 03 Trưởng phòng, 04 Phó phòng và 7 lao động quản lý gián tiếp và giảm được 56 lao động trong dây chuyền phục vụ phụ trợ nghỉ hưu năm 2015 không phải bổ sung. Đặc biệt là tuy chuyển đổi, giảm số phòng ban, giảm lao động như trên, nhưng các đơn vị, phòng vẫn hoạt động ổn định, đáp ứng được yêu cầu sản xuất của Công ty. Qua đây có thể nói rằng việc cơ cấu lại tổ chức và định biên lại lao động của các đơn vị phòng đã phát huy hiệu quả, cần được duy trì, phát huy.

Công ty tổ chức thực hiện tốt các Quy định của Pháp luật về Bảo vệ Môi trường và các công trình văn hóa phục vụ cộng đồng; Nhận thức trách nhiệm đối với công việc, về văn hoá doanh nghiệp trong mỗi cán bộ công nhân viên chức của Công ty được củng cố và nâng lên rõ rệt; Đời sống vật chất tinh thần và các giá trị phục vụ đối với công nhân viên chức được duy trì và cải thiện.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Lựa chọn các giải pháp để duy trì và phát triển sản xuất của Công ty theo hướng phát triển bền vững;

Nâng cao đời sống vật chất tinh thần, văn hóa xã hội cho toàn thể CBCNV trong Công ty và gia tăng các giá trị phục vụ lợi ích cộng đồng;

Thực hiện các giải pháp gắn kết phát huy được vai trò, sức mạnh của các tổ chức Chính trị- Xã hội để phát triển Công ty.

5. Giải trình Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: (Không).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:....

a) Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường: (Tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

+ *Chất lượng môi trường không khí:* Hầu hết các khu vực sản xuất đều đạt QCVN 05:2013/BTNMT và TCVN 3985:1999 áp dụng đối với các khu công nghiệp; Các khu vực lân cận khu dân cư chất lượng không khí đều QCVN 05:2013/BTNMT.

+ **Chất lượng nước thải:** Toàn bộ nước thải của Công ty được thu gom xử lý tập trung tại 02 trạm xử lý nước thải (01 tại khu Trung tâm và 01 tại khu Đông Bắc Mông Dương). Chất lượng nước thải sau xử lý đạt giới hạn B của QCVN số 40:2011/BTNT về nước thải công nghiệp.

+ **Môi trường đất:** Đất đá thải trong khu mỏ có tính chất chua nhẹ, độ màu mỡ ở mức từ cận nghèo đến trung bình phù hợp để trồng cây và cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc.

+ **Mức độ phát thải các chất thải gồm:** Rác thải sinh hoạt phát thải $\approx 1.385\text{m}^3$; Chất thải nguy hại là 42.597 kg (gồm dầu thải, ..., ắc chì thải, ắc quy thải khác, giẻ lau dính dầu, các chất nhiễm dầu).

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty đã tổ chức nghiên cứu, áp dụng các công nghệ mới, phù hợp và có độ tin cậy về an toàn và giảm sức lao động thủ công cho Công nhân:

- Về công nghệ khai thác: Hiện nay 100 % lò chọt chống giữ bằng giá thủy lực di động, (trong năm 2015 công ty đã đầu tư triển khai đưa vào sử dụng 02 lò chọt khấu chống giá khung ZH 1600/16/24F, thay cho lò chọt chống giữ bằng giá XDY), không còn lò chọt chống gỗ, thủy lực đơn.

- Về đào chống lò: Công ty đã đầu tư máy khoan 2 cần, khoan tamroks và dây chuyền bóc xúc đất đá bằng các loại máy xúc lật hông, kết hợp goòng 3 tấn tàu điện AM 8Ä ; Duy trì dây chuyền đào lò bằng máy combai AM-50Z đối với những gương lò có điều kiện địa chất cho phép.

- Về vận tải: Đầu tư hệ thống dây chuyền vận tải trên các tuyến lò nghiêng điều kiện hợp lý lắp đặt băng tải vận chuyển đất đá, than; đường lò bằng đai hệ thống tàu điện AM 8Ä và goòng 3 tấn vận chuyển vật liệu, đất đá, than; đầu tư hệ thống Camera theo dõi ở các tuyến trục chính và các vị trí sản xuất; đầu tư hệ thống máy nạo vét than, đất đá dính goòng 3 tấn tại các mức trong hầm lò; Trang bị đầy đủ hệ thống mono ray, tời thuyên chở vật liệu đến tận gương lò giảm thiểu công tác vận chuyển thủ công; quy hoạch diện sản xuất cho các đơn vị phù hợp giảm thiểu tối đa số lần chuyển điện trong năm.

- Các giải pháp về vận chuyển người từ cửa lò đến gần gương lò: Công ty đã cơ giới hóa toàn bộ tuyến đi lại và làm việc trong hầm lò, trang bị các thiết bị máy móc giảm bớt sức lao động và an toàn trong quá trình sản xuất:

- Duy trì 04 hệ thống tời chở người ở các tuyến lò nghiêng phục vụ công tác đi lại cho CBCN, duy trì việc vận chuyển người trong các tuyến lò bằng ở các mức bằng hệ thống tàu điện AM 8Ä và toa xe chuyên dùng.

- Lắp đặt hệ thống phun sương dập bụi tại mặt bằng sân công nghiệp và các vị trí sản xuất trong hầm lò có hàm lượng bụi cao.

- Công ty đã đầu tư hệ thống cảnh báo khí mêtan tự động của Balan với 02 tủ KSP-2C được kết nối với 50 đầu đo khí CH₄, 18 đầu đo khí CO, 16 đầu đo gió tại các vị trí quan trọng, 03 đầu đo hạ áp, 05 đầu đo H₂ và duy trì hệ thống luôn trong tình trạng hoạt động ổn định.

36

- Công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Công ty đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác đào tạo, đào thêm nghề cho một số đối tượng đáp ứng được yêu cầu SXKD và nguyện vọng của cá nhân.

- Công tác tuyển lao động để đưa đi đào tạo nghề: Năm qua Công ty đã phối kết hợp với các trường để tuyển dụng lao động, chủ động liên hệ với các địa phương vùng cao, vùng có khó khăn về kinh tế, việc làm trong Tỉnh để tuyển lao động đi đào tạo thợ lò. Tuy nhiên kế quả chưa đạt được kế hoạch đã đặt ra (đạt 162/200).

- Xây dựng cơ chế cho công nhân các đơn vị khai thác, đào lò và cơ điện lò được cộng dồn ngày nghỉ luân phiên trong tháng, nếu đã đi làm đủ công, đủ định mức theo chế độ được nghỉ liền đến 6 ngày để giải quyết việc cá nhân (có cấp giấy cho nghỉ nếu đăng ký về quê).

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với công đồng địa phương:

Trong năm 2015, Công ty đã chi ủng hộ mái ấm Công đoàn trị giá 171,8 triệu đồng, hỗ trợ các quỹ bảo trợ bảo trợ người khuyết tật, kinh phí làm đường huyện Ba Chẽ tỉnh Quảng Ninh... giá trị 123,0 triệu đồng. Giúp địa phương, các đơn vị, các gia đình khó khăn trên địa bàn và các hoạt động khác: 1.040,0 triệu đồng. Chi phí thăm hỏi, ốm đau, thăm viếng: 975 triệu đồng. Tất cả những hoạt động đã có tác dụng động viên công nhân viên chức gắn bó xây dựng Công ty, đồng thời cũng gắn kết với cộng đồng dân cư trên địa bàn sâu sắc hơn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: Do ảnh hưởng nặng nề của đợt mưa lũ lịch sử cuối tháng 7 đầu tháng 8 năm 2015 đã ảnh hưởng rất lớn tới sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty, do vậy các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty đã được điều chỉnh. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty hòa vốn, việc làm của người lao động đảm bảo, thu nhập trong năm bị giảm so với thu nhập kế hoạch.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty: Trong thực hiện nhiệm vụ do Điều lệ quy định và cụ thể hoá bằng các quy chế quản lý, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện một cách khẩn trương, kịp thời khắc phục khó khăn đề ra nhiều biện pháp quản lý và có hiệu quả trong điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các chế độ báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản- an toàn lao động.

- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý: Các cán bộ quản lý của Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc và giao Giám đốc Công ty phân công giao nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc, các cán bộ quản lý đã chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ do Giám đốc giao, chỉ

đạo điều hành các phòng, ban công trường phân xưởng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đạt yêu cầu đề ra, không có biểu hiện chống đối thoái thác nhiệm vụ, đã tham mưu đề xuất triển khai nhiệm vụ của Giám đốc đạt hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Xây dựng Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin trở thành một Công ty khai thác mỏ hầm lò hàng đầu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với công nghệ cơ giới hoá từ việc đi lại trong lò đến khâu khai thác.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty.

T T	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/Độc lập/Không điều hành	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
				Đại diện	Sở hữu	
1.1	Doãn Văn Quang	Chủ tịch	Không ĐH	54,03	0	Từ 01.01-:-10.3.2016
1.2	Nguyễn Văn Trịnh	Chủ tịch	Không ĐH	54,03	0	Từ 10.3-:- 06.7.2016
1.3	Nguyễn Văn Dậu	Chủ tịch	Không ĐH	54,03	0	Từ 06.7-:-31.12.2016
2.1	Khuất Mạnh Thắng	Ủy viên	Điều hành		0	Từ 01.01-:-10.3.2016
2.2	Bùi Quốc Tuấn	Ủy viên	Điều hành		0	Từ 10.3-:-31.7.2016
2.3	Nguyễn Trọng Tốt	Ủy viên	Điều hành		0,013	Từ 31.7-:- 31.12.2016
3	Bùi Văn Kiểm	Ủy viên	Điều hành		0,016	01.01-:- 31.12.2016
4	Phạm Thị Hải	Ủy viên	Điều hành		0,015	01.01-:- 31.12.2016
5	Vadym D'omin	Ủy viên	Không ĐH	16,99	0	01.01-:- 31.12.2016

- Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 (năm) thành viên, trong đó 01 (một) thành viên chủ tịch Hội đồng quản trị; 02 (hai) thành viên không điều hành và 03 (ba) thành viên điều hành. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên thể hiện tại bảng chi tiết nêu trên.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Nguyễn Văn Dậu đồng thời là (1) Chủ tịch Hội đồng quản trị hai đơn: Công ty cổ phần Địa chất mỏ- Vinaomin và Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc –Vinacomin; (2) Chủ tịch công ty của Công ty TNHH MTV Môi trường- TKV.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị: Trong năm 2015 Hội đồng Quản trị Công ty có sự thay đổi về nhân sự, Các Ủy viên HĐQT thay thế vị trí của ủy viên HĐQT miễn nhiệm thực hiện nghiêm túc chức trách nhiệm vụ được tiếp nhận, cụ thể:

(1.1) Miễn nhiệm Ông Doãn Văn Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty thôi giữ chức chủ tịch HĐQT và thôi là Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần than Mông Dương kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2015.

(1.2) Bầu ông Nguyễn Văn Trịnh, Người đại diện của Tập đoàn TKV giữ chức Ủy viên Hội đồng Quản trị và bầu làm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần than Mông Dương kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2015.

(2.1) Miễn nhiệm Ông Khuất Mạnh Thắng, Ủy viên Hội đồng quản trị-Giám đốc Công ty thôi Ủy viên HĐQT, thôi Giám đốc điều hành Công ty kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2015.

(2.2) Bầu ông Bùi Quốc Tuấn, Người đại diện của Tập đoàn TKV giữ chức Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Mông Dương và bổ nhiệm Giám đốc điều hành Công ty đồng thời là Người đại diện theo pháp luật của Công ty kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2015.

(3.1) Miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Trịnh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty thôi giữ chức chủ tịch HĐQT và thôi là Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần than Mông Dương kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2015.

(3.2) Bầu ông Nguyễn Văn Dậu, Người đại diện của Tập đoàn TKV giữ chức Ủy viên Hội đồng Quản trị và bầu làm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần than Mông Dương kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2015.

(4.1) Miễn nhiệm Ông Bùi Quốc Tuấn, Ủy viên Hội đồng quản trị-Giám đốc Công ty thôi Ủy viên HĐQT, thôi Giám đốc điều hành Công ty kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2015.

(4.2) Bầu ông Nguyễn Trọng Tốt, Người đại diện của Tập đoàn TKV giữ chức Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Mông Dương và bổ nhiệm Giám đốc điều hành Công ty đồng thời là Người đại diện theo pháp luật của Công ty kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2015.

Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2015, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 14 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 14 Nghị quyết liên quan đến sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, Nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (*Phụ lục 02 kèm theo*):

- Ban hành, sửa đổi bổ sung hoàn thiện 05 (năm) Quy chế quản lý của Công ty làm cơ sở cho việc quản lý điều hành của Công ty và kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty. Chỉ đạo triển khai xây dựng các

kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của Công ty cho phù hợp với tình hình. Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của pháp luật. Thông qua để Giám đốc Công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng ban, đơn vị; hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

- Các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động theo lĩnh vực được phân công, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các chủ trương lớn, các quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ theo đúng nguyên tắc quy định là làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên HĐQT đều tham gia các cuộc họp đầy đủ, đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị.

d) Hoạt động của uỷ viên Hội đồng Quản trị không điều hành (Độc lập)

Trong năm 2015, ông Vadym D'omin là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của Hội đồng Quản trị, nhằm đảm bảo Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty đề ra.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ	
			Đại diện	Sở hữu
1	Mai Tất Lã	Trưởng Ban	0	0,132%
2	Ngô Quốc Tuấn	Thành viên	0	0,019%
3	Nguyễn Thế Hanh	Thành viên	0	0,009%

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát: Trong năm 2015 Ban Kiểm soát Công ty cổ phần than Mông Dương- Viancomin tổ chức 06 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty, bao gồm:

- Tổ chức 04 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện đầu tư XDCB và báo cáo tài chính hàng quý của Công ty, trong mỗi kỳ họp ban kiểm soát đều ban hành Biên bản làm việc tại cuối mỗi kỳ kiểm soát Ban Kiểm soát đã thống nhất biên bản và thông qua HĐQT, lãnh đạo điều hành Công ty để thống nhất các nhận xét đánh giá và kiến nghị của ban kiểm soát về hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, lãnh đạo điều hành Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB và tính cẩn trọng, trung thực trong báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty.

- Tổ chức 02 cuộc họp để tham gia thẩm định các dự án đầu tư và xây dựng kế hoạch SXKD hàng quý của Công ty.

- Tham các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty mời để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát công ty về việc tham gia các ý kiến trong quản lý điều hành và phê duyệt các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB, thẩm định và thông qua các quy chế quản lý của Công ty...

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

* *Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:* Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2015 với tổng số tiền là: 441.600.000 đồng (Bốn trăm bốn một triệu, sáu trăm ngàn đồng chẵn).

* *Lương, thưởng của ban Giám đốc:* Ban giám đốc Công ty có 07 thành viên. Trong năm 2015, Công ty quyết toán quỹ lương cho Ban Giám đốc với tổng số tiền là: 1.900.170.165 đồng (Một tỷ, chín trăm triệu, một trăm bảy mươi ngàn, một trăm sáu năm đồng)

* Chi tiết lương và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc năm 2015 như sau:

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập tiền lương năm 2015	Thu nhập từ thù lao năm 2015	Cộng tổng số
1.1. Doãn Văn Quang	Chủ tịch HĐQT		12.420.000	12.420.000
1.2. Nguyễn Văn Trịnh	Chủ tịch HĐQT		19.980.000	19.980.000
1.3. Nguyễn Văn Đậu	Chủ tịch HĐQT		32.400.000	32.400.000
2. VaDym D'omin	Ủy viên HĐQT		55.200.000	55.200.000
3. Mai Tất Lã	TB Kiểm soát		55.200.000	55.200.000
4. Ngô Quốc Tuấn	TV BKS		50.400.000	50.400.000
5. Nguyễn Thế Hanh	TV BKS		50.400.000	50.400.000
6.1. Khuất Mạnh Thắng	UV HĐQT-GIÁM ĐỐC	53.303.924	10.580.000	63.883.924
6.2. Bùi Quốc Tuấn	UV HĐQT-GIÁM ĐỐC	102.264.096	21.620.000	123.884.096
6.3. Nguyễn Trọng Tốt	UV HĐQT-GIÁM ĐỐC	134.345.153	23.000.000	157.345.153
7. Tạ Văn Bền	P. GIÁM ĐỐC	281.859.756		281.859.756
8. Vũ Tiến Quang	P. GIÁM ĐỐC	266.210.819		266.210.819
9. Hòa Quang Trung	P. GIÁM ĐỐC	276.290.308		276.290.308
10. Bùi Văn Kiểm	UV HĐQT- PGĐ	274.221.039	55.200.000	329.421.039
11. Hoàng Trọng Hiệp	P. GIÁM ĐỐC	266.173.750		266.173.750
12. Phạm Thị Hải	UV HĐQT- KTT	245.501.320	55.200.000	300.701.320
Tổng cộng		1.900.170.165	441.600.000	2.341.770.165

b) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** (Không có)

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có

d) **Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:** Trong năm 2015 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Trích ý kiến kiểm toán viên theo Báo cáo số 37/2016/BCKT- PKF-VPC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam.

“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin, và được phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam. Công ty đã gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Địa chỉ Website của Công ty đăng tải BCTC là: www.mongduongcoal.com.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

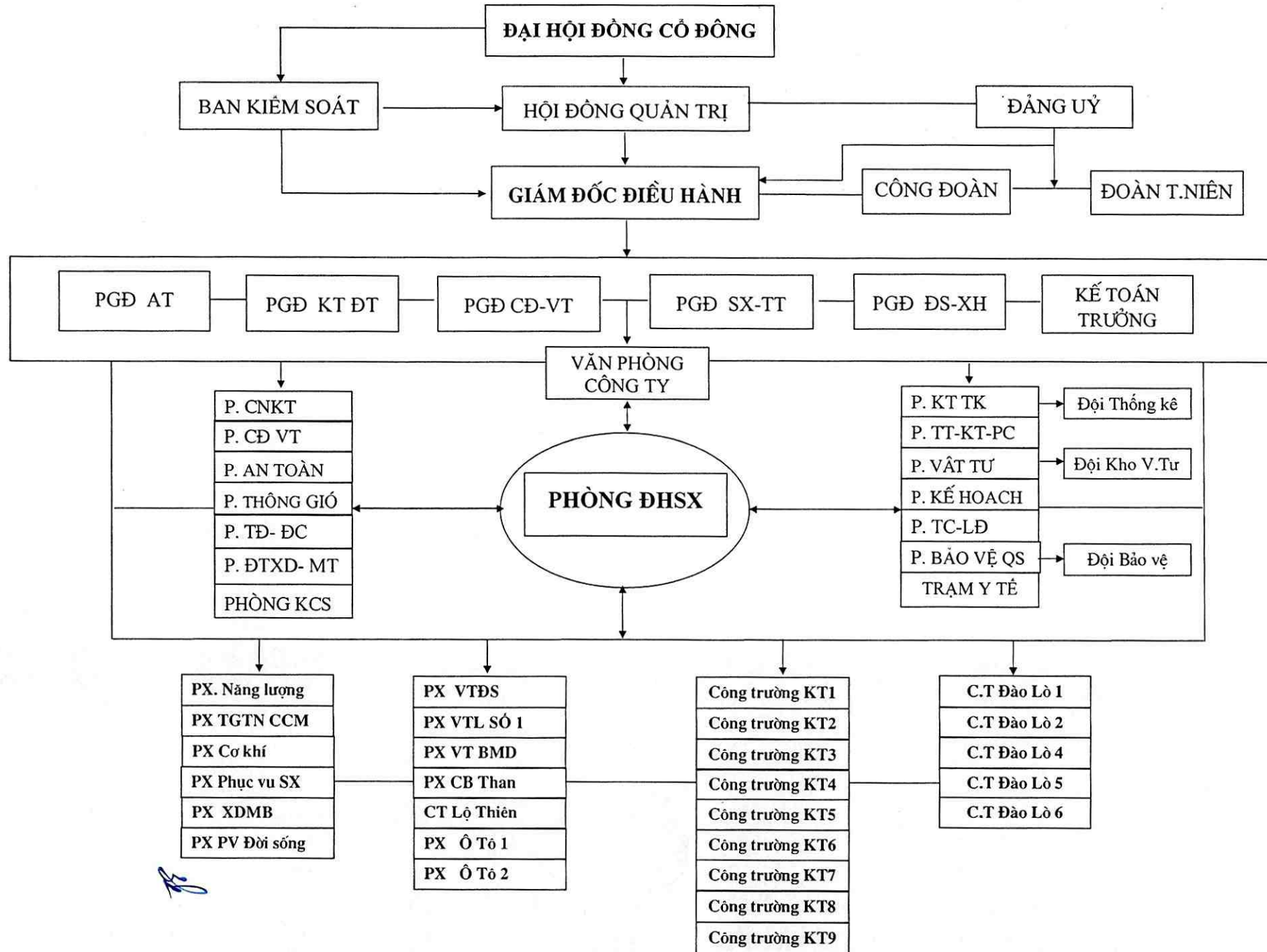
- UBCKNN, Sở GDCKHN, TT LKCKVN (b/c);
- Website Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT (5)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dậu

Phụ lục 01- SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN



Phụ lục 02: Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2015

TT	Số, ký hiệu VB	Ngày tháng	Nội dung
1	03/NQ-HĐQT	16/01/2015	Nghị quyết HĐQT v.v Thông qua: (1) Kết quả sản xuất kinh doanh và Công tác đầu tư năm 2014; (2) Kế hoạch SXKD và ĐT năm 2015; (3) Dự thảo phương án phân phối lợi nhuận năm 2014; (4) Dự kiến thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
2	06/NQ-HĐQT	26/01/2015	Nghị quyết HĐQT v.v Thông qua việc Hệ thống hóa kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương; Điều chỉnh bổ sung một số gói thầu trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu năm 2015; kế hoạch vay vốn năm 2015
3	09/NQ-HĐQT	09/03/2015	Nghị quyết HĐQT v.v Thay đổi Ủy viên Hội đồng quản trị giữ nhiệm kỳ
4	11/NQ-HĐQT	09/03/2015	Nghị quyết HĐQT v.v (1) Thay đổi UVHĐQT giữ nhiệm kỳ, (2) Bầu chủ tịch HĐQT, (3) Bỏ nhiệm Giám đốc điều hành, (4) Phân công nhiệm vụ các UV HĐQT, (5) Quyết định thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015.
5	15/NQ-HĐQT	03/04/2015	Nghị quyết HĐQT: (1) Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh và công tác đầu tư quý I năm 2015, (2) Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư quý II năm 2015, (3) Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của quy chế quản lý Vật tư, (4) Duyệt tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông và chuẩn bị các nội dung cho ĐHĐCĐ 2015.
6	17/NQ-ĐHĐCĐ/2015	14/04/2015	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
7	21/NQ-HĐQT	21/05/2015	Nghị quyết HĐQT về thông qua (1) Điều chỉnh gói thầu nạo vét bùn (DA TBĐTSX 2014); (2) Đề cương dự toán lập điều chỉnh dự án đầu tư khai thác giai đoạn II; (3) Phê duyệt dự án và kết quả LCNT dự án ĐT TB ĐTSX 2015; (4) QC quản lý Đầu tư & Xây dựng; (5) QC phối hợp lãnh đạo giữa HĐQT, Giám đốc với Đảng ủy.

TT	Số, ký hiệu VB	Ngày tháng	Nội dung
8	24/NQ-HĐQT	28/05/2015	Nghị quyết HĐQT về cơ cấu lại Tổ chức sản xuất và bố trí vị trí một số cán bộ tháng 5 năm 2015
9	29/NQ-HĐQT	06/07/2015	Nghị quyết họp HĐQT: (1) Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh và công tác đầu tư quý II (6 tháng)-2015, (2) Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư quý III-2015, (3) Thông quan Quy chế quản lý Vật tư của Công ty.
10	30/NQ-HĐQT	06/07/2015	Nghị quyết thay đổi người đại diện của TKV tại Công ty CP than Mông Dương, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Bầu lại chủ tịch HĐQT
11	34/NQ-HĐQT	31/07/2015	Nghị quyết HĐQT v.v Thay đổi Giám đốc điều hành
12	37/NQ-HĐQT	19/08/2015	Nghị quyết họp HĐQT về khắc phục sự cố mưa lũ và cử kiêm nhiệm Giám đốc điều hành mỏ theo luật Khoáng sản.
13	39/NQ-HĐQT	02/11/2015	Nghị quyết họp HĐQT v.v thông qua kết quả đấu thầu giá thủy lực phân thể .
14	42/NQ-HĐQT	13/11/2015	Nghị quyết họp HĐQT thông qua và phê duyệt các nội dung (1) Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng, điều chỉnh kế hoạch năm 2015; (2) Thông qua thực hiện công tác đầu tư 9 tháng và phê duyệt điều chỉnh năm 2015; (3) Phê duyệt Kế hoạch đầu tư năm 2016; (4) Phê duyệt phương án thiết kế gia hạn giấy phép khai thác số 2683/GP-BTNMT năm 2016; (5) Phê duyệt quy hoạch cá bộ giai đoạn 2016-2020.
15	46/NQ-HĐQT	22/12/2015	Nghị quyết họp HĐQT thông qua: (1) Phương án tách thoát nước chống hầm bề mặt để hạn chế nước chảy xuống hầm lò mỏ Mông Dương; (2) Cơ cấu lại một số phòng và sắp xếp lại nhân sự; (3) Các quy chế quản lý: Quy chế nghiệm thu khối lượng mỏ, Quy chế tài chính, Quy chế giám sát tài chính, Quy định về tự giám

			sát; (4) Thiết kế cơ sở điều chỉnh dự án đầu tư XDCT khai thác giai đoạn II- mỏ than Mông Dương; (5) Nhượng bán 03 xe ca chở công nhân 45 chỗ và xử lý chi phí thiệt hại do thiên tai ngập mỏ; (6) Chia quỹ kết dư của Công ty theo văn bản số 5907/TKV-KT, ngày 02/12/2015 của TKV
--	--	--	---

38